Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3004.49.80

Mã HS	3004.49.80
Mô tả hàng hóa	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được đóng gói theo liều lượng (kể cả các sản phẩm thuộc loại dùng để hấp thụ qua da) hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ / - Loại khác, chứa alkaloit hoặc các dẫn xuất của chúng: / - - Loại khác: / - - - Chứa quinine hydrochloride hoặc dihydroquinine chloride, dùng để tiêm; Chứa quinine sulphate hoặc bisulphate, dạng uống (*)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 14:08:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30044980/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4607
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4607
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4607
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4529
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4490
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4490
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4490
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4490
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4490
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4490
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4528
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4528
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4528
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4528

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4528
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4528
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4532
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4532
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4532
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4532
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4532
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4532
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4532
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4496
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4492
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4492
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4492
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4492
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4492
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4492
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4492
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4492
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4492
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4492
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4492
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4492
VCFTA	2022	2022	1	VC!D4539
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4539
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4539
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4539

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4539
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4539
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4536
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4536
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4536
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4536
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4536
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4536
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D652
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E652
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4544
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4544
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4544
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4544
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4544
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4544
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4515
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4515
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4515
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4515
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4515
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4515
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4517
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4517
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4517
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4517

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4517
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4517
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4515
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4515
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4515
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4515
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4515
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4515
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4515
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4536
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4536
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4536
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4536
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4536
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4536
RCEP B	2022	2022	0	B!D4536
RCEP B	2023	2023	0	B!E4536
RCEP B	2024	2024	0	B!F4536
RCEP B	2025	2025	0	B!G4536
RCEP B	2026	2026	0	B!H4536
RCEP B	2027	2027	0	B!I4536
RCEP C	2022	2022	0	C!D4536
RCEP C	2023	2023	0	C!E4536
RCEP C	2024	2024	0	C!F4536
RCEP C	2025	2025	0	C!G4536
RCEP C	2026	2026	0	C!H4536

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4536
RCEP D	2022	2022	0	D!D4536
RCEP D	2023	2023	0	D!E4536
RCEP D	2024	2024	0	D!F4536
RCEP D	2025	2025	0	D!G4536
RCEP D	2026	2026	0	D!H4536
RCEP D	2027	2027	0	D!I4536
RCEP E	2022	2022	0	E!D4539
RCEP E	2023	2023	0	E!E4539
RCEP E	2024	2024	0	E!F4539
RCEP E	2025	2025	0	E!G4539
RCEP E	2026	2026	0	E!H4539
RCEP E	2027	2027	0	E!I4539
RCEP F	2022	2022	0	F!D4536
RCEP F	2023	2023	0	F!E4536
RCEP F	2024	2024	0	F!F4536
RCEP F	2025	2025	0	F!G4536
RCEP F	2026	2026	0	F!H4536
RCEP F	2027	2027	0	F!I4536
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4178
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4178
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4178
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4178

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3004.49 có 8 dòng thuế; dòng 3004.49.80 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Chứa quinine hydrochloride hoặc dihydroquinine chloride, dùng để tiêm; Chứa quinine sulphate hoặc bisulphate, dạng uống (*).	3004.49.11 Dạng uống (*) hoặc tiêm; 3004.49.19 Loại khác; 3004.49.51 Dạng uống (*); 3004.49.59 Loại khác; 3004.49.60 Chứa theophylline, dạng uống (*); 3004.49.70 Chứa atropine sulphate	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3004.49.80. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3004.49.80 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4607), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.